

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thái

Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên Tòa : Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 229/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2019 vụ tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 60/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa :

1.**Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị U**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp Đồng T, xã H, huyện GR, tỉnh KG (có mặt).

2.**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh Hải C**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: ấp Đồng T, xã H, huyện GR, tỉnh KG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị U trình bày: Chị và anh C trước khi lấy nhau có tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 6/11/2005, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh T, huyện Đ, tỉnh L. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh C thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác, chị đã giải thích rất nhiều nhưng anh C không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, đã nhiều lần anh C đánh chị bị bầm dập, chị đã cố gắng hàn gắn hôn nhân cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Từ đó, dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, chị thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng sống ly thân từ ngày 12/2/2019 cho đến nay. Chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn

hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 1 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/7/2006, hiện đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và trong biên bản hòa giải ngày 26/5/2019 anh C xác định lời trình bày của chị U về hôn nhân, con chung, nợ chung, tài sản chung là đúng theo anh mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, những mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình bình thường, anh không đồng ý vợ chơi quá mức thân thiết với người đồng giới, anh vì còn thương vợ, thương con mong vợ chồng trở về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con hiện con đang sống với vợ, anh xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh Nguyễn Thanh Hải C đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh C cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh C không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh Hải C.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị U và anh C trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh T, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng cũng tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị U đã đi thuê nhà khác để ở và sống ly thân từ ngày 12/2/2019 cho đến nay, còn anh C thì cho rằng còn thương vợ con không đồng ý ly hôn; Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và nuôi dạy con cái, kể từ khi chị U và anh C sống ly thân cho đến nay anh C cũng không thể hiện sự quan tâm chăm sóc đối với vợ con, bỏ mặc mạnh ai người đó sống nhưng theo anh C thì không đồng ý ly hôn và vợ chồng cũng không trở về đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị

U cương quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị U và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 01 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị Trương Thị U được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Hải C.

{2.2} Về con chung: Chị U và anh C đều xác định có một con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/7/2006, hiện con đang sống chung với chị U, chị U xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng; anh C cũng có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu D là con chung của chị U và anh C, kể từ khi chị U và anh C sống ly thân cho đến nay, cháu D vẫn sống với chị U, chị vẫn chăm sóc cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, anh C không quan tâm chăm sóc và nuôi dưỡng, tại bản tự khai đề ngày 16/5/2019 cháu D có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho con khi cha mẹ ly hôn và xét nguyện vọng của cháu nên áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu D cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị Trương Thị U không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trương Thị U phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu tiền số 1242 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị U đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Trương Thị U được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Hải C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/7/2006 cho chị Trương Thị U tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị Trương Thị U không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trương Thị U phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu tiền số 1242 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị U đã nộp đủ.

Chị U và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị U được tính kể ngày tuyên án (24/7/2019); anh C được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận
-TAND tỉnh
-VKSND tỉnh, huyện
-Chi cục thi hành án
-Đương sự
-UBND xã
-Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên